TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/HSST
Ngày: 10/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Hoàng và bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2024/TLST - HS ngày 04/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐ - ST ngày 31/7/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2024/QĐ – HPT ngày 14/8/2024 đối với bị cáo:

Bùi Minh Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/10/1987

Nơi cư trú: Xóm QT, xã LS, huyện LS, tỉnh Hoà Bình

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức Tư pháp – Hộ tịch UBND xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (đã nghỉ thôi việc theo Quyết định số 3693/QĐ – UBND huyện Lương Sơn ngày 01/02/2024); Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 130 – QĐ/UBKTHU ngày 12/12/2023 của Uỷ ban kiểm tra Huyện uỷ Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình; Con ông: Bùi Văn Ng và con bà: Hoàng Thị Ch; Vợ: Nguyễn Thị K; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2023 đến ngày 02/02/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

- Ông Nguyễn Văn Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

HKTT: Thôn XT, xã TXT, huyện CM, thành phố Hà Nội.

- Ông Bùi Xuân Nh, sinh năm 1982. Có mặt

HKTT: Thôn AK, xã LS, huyện LS, tỉnh Hoà Bình

*** Người làm chứng**:

- Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1973. Vắng mặt

HKTT: Xóm S, xã LS, huyện LS, tỉnh Hoà Bình

- Chị Lê Thị D, sinh năm 1985. Vắng mặt

HKTT: Thôn ĐS, xã LS, huyện LS, tỉnh Hoà Bình

- Bà Trịnh Thị Bích Th, sinh năm 1973. Vắng mặt

HKTT: Thôn TS, xã LS, huyện LS, tỉnh Hoà Bình

- Ông Bùi Thanh B, sinh năm 1962. Vắng mặt

HKTT: Xóm G, xã LS, huyện LS, tỉnh Hoà Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Minh Đ, sinh năm 1987 nguyên là cán bộ tư pháp, hộ tịch tại UBND xã LS, huyện LS, tỉnh Hoà Bình. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 04/2021, Bùi Minh Đ đã nhiều lần lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao trực tiếp và thông qua người khác nhận tổng số tiền 35.400.000 đồng của Nguyễn Công V, sinh năm 1968, trú tại: Thôn 7, xã PC, huyện QO, TP Hà Nội để thực hiện việc chứng thực không đúng quy định đối với các hợp đồng liên quan đến thửa đất 517, diện tích 43.650,0m^2, số BL 526009 theo yêu cầu của Nguyễn Công V, cụ thể như sau:

1. Đầu tháng 01/2021, Nguyễn Công V đề nghị Bùi Minh Đ thực hiện chứng thực việc huỷ hợp đồng chuyển nhượng đất (thửa số 517, diện tích 43.650,0m^2, số BL 526009) ngày 31/12/2020 giữa ông Bùi Thanh B và Nguyễn Công V để V làm

hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên với ông Bùi Minh L (trú tại: LK – HĐ – Hà Nội), V yêu cầu Đ để ngoài hệ thống phần mềm sổ sách đối với hợp đồng này. Bùi Minh Đ đồng ý nên ngày 05/01/2021 Đ soạn thảo hợp đồng chứng thực số 132 ngày 05/01/2021 và đề ngoài hệ thống (công chứng treo), sau đó mang trình ông Nguyễn Ngọc Th - Phó chủ tịch UBND xã LS ký chứng thực. Sau khi Bùi Minh Đ thực hiện xong yêu cầu của V (soạn thảo và chứng thực việc huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất), Nguyễn Công V đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của Đ số tiền 2.000.000 đồng nhờ Đ nộp giúp phí chứng thực hợp đồng và lệ phí công chứng thực sao từ bản chính, còn lại là tiền cảm ơn Đ. Bùi Minh Đ nhận được 2.000.000 đồng từ V, sau đó Đ đã nộp 600.000 đồng tiền phí chứng thực hợp đồng và lệ phí công chứng bản sao, còn lại 1.400.000 đồng Đ sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

2. Ngày 08/01/2021 Nguyễn Công V đề nghị Bùi Minh Đ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ diện tích 35.234,4 m^2 (trong thửa số xxx, diện tích 43.654m^2, số BL526009, đây là giấy CNQSDĐ V làm giả) từ hộ ông Bùi Thanh B sang ông Phùng Minh L, Bùi Minh Đ do không biết giấy CNQSDĐ giả nên đã đồng ý làm chứng thực hợp đồng chuyển nhượng trên giữa ông B với ông L. Khi ký hợp đồng, do ông L bận không có mặt tại UBND xã LS được nên Nguyễn Công V đề nghị Bùi Minh Đ và ông Nguyễn Thanh B cùng đi taxi đến nhà ông L tại LK, HĐ, Hà Nội để ký hợp đồng. Sau khi ký xong hợp đồng trên đường về Nguyễn Công V đưa cho Bùi Minh Đ 5.000.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng Đ trả tiền taxi, còn lại 4.000.000 đồng tiền cảm ơn Đ. Khi về đến UBND xã LS, Nguyễn Công V điện thoại cho Bùi Minh Đ yêu cầu Đ để ngoài hệ thống sổ sách đối với hợp đồng này vì mục đích ký hợp đồng này chỉ để V vay tiền ông L. Do nể nang và đã nhận tiền của V nên Đ đã soạn thảo hợp đồng số 133 nhưng không nhập thông tin vào hệ thống, Đ điền thông tin vào hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, ký vào các trang, sau đó đưa cho bà Lê Thị D, bà Trịnh Thị Bích Th lấy dấu, rồi mang trình ông Nguyễn Ngọc Th - Phó chủ tịch UBND xã LS ký chứng thực. Nguyễn Công V đã dùng hợp đồng chuyển nhượng số 133 ngày 08/01/2021 này và 01 giấy CNQSDĐ giả đưa cho ông L để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Phùng Minh L.

Bùi Minh Đ sau khi nhận được 5.000.000 đồng từ V đã dùng 1.000.000 đồng trả tiền taxi, còn lại 4.000.000 đồng Đ sử dụng chi tiêu các nhân hết.

3. Đầu tháng 4/2021 Nguyễn Công V tiếp tục cung cấp các thông và yêu cầu Bùi Minh Đ soạn thảo và chứng thực hợp đồng uỷ quyền chuyển nhượng QSDĐ toàn bộ diện tích 43.650,0m^2, thửa đất số xxx từ V (đất đang đứng tên ông Bùi Thanh B) sang cho Nguyễn Văn Đ (trú tại: Thôn XT, xã TXT, huyện CM, TP Hà Nội). Nguyễn Công V nói với Bùi Minh Đ là V đã trả hết nợ cho ông Phùng Minh L và đã lấy lại giấy CNQSDĐ về. Lúc này Bùi Minh Đ biết hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 133 ngày 08/01/2021 chưa được huỷ nhưng Đ ngầm hiểu nếu làm theo yêu cầu của V thì sẽ được V cho tiền như những lần khác nên Đ đồng ý.

Ngày 16/4/2021, Bùi Minh Đ soạn thảo xong hợp đồng uỷ quyền chuyển toàn bộ diện tích 43.650,0m^2 từ ông Bùi Thanh B sang ông Nguyễn Văn Đ lấy số chứng thực 126 ngày 16/4/2021, quyển số 01/2021 – SCT/HĐGD, ký vào các trang rồi sau đó đưa cho bà Lê Thị D, bà Trịnh Thị Bích Th lấy dấu rồi mang trình ông Nguyễn Ngọc Th - phó chủ tịch UBND xã LS chứng thực.

Sau khi Bùi Minh Đ thực hiện xong theo yêu cầu của mình, Nguyễn Công V bảo ông Nguyễn Văn Đg chuyển khoản cho Bùi Minh Đ số tiền 30.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền V chuyển nhượng đất cho Đ. Nguyễn Công V đã dùng hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 126 ngày 16/4/2021 và 01 giấy chứng nhận QSDĐ giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền của ông Nguyễn Văn Đ.

Sau khi nhận được 30.000.000 đồng tiền của V đưa cho thông qua ông Nguyễn Văn Đ, Bùi Minh Đ đã rút ra sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ hết.

Như vậy trong các ngày 05/01/2021, 08/01/2021 và ngày 16/4/2021 Bùi Minh Đ đã trực tiếp, thông qua người khác nhận tiền của Nguyễn Công V để Bùi Minh Đ thực hiện hành vi sai quy định đối với việc chứng thực hợp đồng theo yêu cầu và lợi ích của Nguyễn Công V. Tổng số tiền V đưa và Đ nhận hối lộ 35.400.000 đồng (*Ba mươi năm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngày 04/12/2023 Bùi Minh Đ đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi nhận hối lộ của mình.

Đối với hành vi của Nguyễn Công V dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (thửa số 517, diện tích 43.650,0m^2, số BL 526009) cùng 03 hợp đồng do Bùi Minh Đ soạn thảo và chứng thực để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các cá nhân. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 29/01/2024 TAND tỉnh Hoà Bình xử phạt Nguyễn Công V 30 (ba mươi) năm tù. Nguyễn Công V đang chấp hành án

tại Trại giam Phú Sơn 4 - Bộ Công An đến ngày 20/6/2024 Nguyễn Công V bị ốm và đã chết tại Trại giam Phú Sơn 4. Do đó ngày 27/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 01 ngày 27/6/2024 đối với bị can Nguyễn Công V theo quy định tại khoản 7 Điều 157; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Vật chứng thu giữ**:

- Các hợp đồng chứng thực và các tài liệu liên quan đến số tiền chuyển khoản của Đức (được lưu giữ theo hồ sơ vụ án)

- Số tiền 55.000.000 đồng (*Năm mươi năm triệu đồng*).

Bản cáo trạng số 39/CT – VKS – P2 ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố Bùi Minh Đ về tội " Nhận hối lộ", theo điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Minh Đ phạm tội Nhận hối lộ. Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 54 và điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Minh Đ từ 05 – 06 năm tù.

- Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Bùi Minh Đức từ 12 – 24 tháng.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 35.400.000 đồng.

+ Trả lại anh Bùi Xuân Nh 19.600.000 đồng

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở đánh giá toàn diện chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2021 Bùi Minh Đ là công chức tư pháp, hộ tịch của UBND xã LS đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, trong các ngày 05/01/2021, ngày 08/01/2021 và ngày 16/4/2021, Bùi Minh Đ đã nhiều lần trực tiếp và thông qua người khác nhận của Nguyễn Công V tổng số tiền 35.400.000 đồng (trong đó ngày 05/01/2021 nhận 1.400.000 đồng; ngày 08/01/2021 nhận 4.000.000 đồng; ngày 16/4/2021 nhận 30.000.000 đồng) để thực hiện việc soạn thảo và chứng thực 03 hợp đồng liên quan đến thửa đất diện tích 517, diện tích 43.650,0m^2, số BL526009 trái quy định theo yêu cầu, đề nghị của Nguyễn Công V để nhận các lợi ích trực tiếp tiền mặt và qua chuyển khoản nhiều lần. Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Minh Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Nhận hối lộ", theo điểm đ khoản 2 điều 354 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Bùi Minh Đ theo tội danh và điều luật áp dụng trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức Đảng và Nhà nước. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (vợ bị cáo mới sinh con thiếu tháng), bị cáo là lao động chính, gia đình có công với nhà nước, bản thân bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen trong quá trình công tác đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự nên khi quyết định mức hình phạt cũng cần được xem xét theo quy định tại điều 54 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ tư pháp và không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Đ theo quy định tại khoản 5 điều 354 Bộ luật Hình sự

[6] Một số nội dung khác:

Trong vụ án này, ông Nguyễn Văn Đ nhận hợp đồng uỷ quyền chuyển nhượng sử dụng đất số 126, ngày 16/4/2021 thấy phạm vi uỷ quyền không đúng theo thoả thuận với Nguyễn Công V (thoả thuận là uỷ quyền chuyển nhượng toàn bộ diện tích 43.650,0m^2 nhưng trong hợp đồng chỉ ghi 8.419,7m^2) ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu V và Bùi Minh Đ phải thực hiện lại theo đúng thoả thuận. Ngày 12/5/2021, tại UBND xã LS Bùi Minh Đ thực hiện soạn thảo hợp đồng huỷ bỏ hợp đồng uỷ quyền chuyển nhượng sử dụng đất số 126 ngày 16/4/2021 và làm thủ tục chứng thực hợp đồng mới chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 43.650,0m^2 của thửa đất 517 từ ông Bùi Thanh B cho ông Nguyễn Văn Đ. Ông Nguyễn Văn Đ chuyển 70.000.000 đồng vào tài khoản của Bùi Minh Đ, trong đó 50.000.000 đồng là tiền ông Đ nhờ Bùi Minh Đ trả tiền công trông coi đất cho ông B, còn lại 20.000.000 đồng là tiền Đ tự nguyện cho bồi dưỡng cảm ơn Đ và tổ tư pháp, hộ tịch xã LS. Sau đó Đ rút tiền trong tài khoản đưa ông B 50.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng Đ chuyển khoản cho ông Nguyễn Ngọc Thụ - phó chủ tịch UBND xã LS 4.000.000 đồng, chuyển cho bà Lê Thị D và bà Trịnh Thị Bích Th – Công chức tư pháp hộ tịch UBND xã LS mỗi người 3.300.000 đồng. Bùi Minh Đ nói đây là số tiền ông Đ cảm ơn và mời ăn trưa. Còn lại 9.400.000 đồng Đ chi tiêu sử dụng cá nhân hết. Quá trình điều tra xác định số tiền 20.000.000 đồng là do ông Đ hoàn toàn tự nguyện để cảm ơn Đ và tổ tư pháp, giữa ông Đ và Đ không có thoả thuận, thống nhất với nhau từ trước đối với số tiền này; Đ không thực hiện việc chứng thực theo yêu cầu và lợi ích

của ông Đ để nhận tiền. Quá trình điều tra ông Đ không yêu cầu Bùi Minh Đ phải trả số tiền 20.000.000 đồng. Do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với ông Đ và Đ về hành vi đưa nhận hối lộ số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Công V tại bản án số 06/HSST ngày 29/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình tuyên xử phạt Nguyễn Công V 30 năm tù, Nguyễn Công V đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công An đến ngày 20/6/2024 Nguyễn Công V bị ốm và đã chết tại Trại giam Phú Sơn 4. Do đó ngày 27/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 01 ngày 27/6/2024 đối với bị can Nguyễn Công V, theo quy định tại khoản 7 Điều 157; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập.

Đối với ông Bùi Thanh B, quá trình điều tra xác định do tin tưởng thông tin V đưa ra, không biết V sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ số BL 526009 giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như không biết về hành vi đưa, nhận hối lộ của V và Đ nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Ngọc Th - phó chủ tịch xã LS; bà Lê Thị D, bà Trịnh Thị Bích Th (công chức tư pháp, hộ tịch UBND xã) là những người giúp Đ thực hiện việc chứng thực theo yêu cầu của Nguyễn Công V và Nguyễn Văn Đ. Quá trình điều tra xác định ông Th, bà D, bà Th chỉ thực hiện việc chứng thực theo nhiện vụ được phân công, không biết những vi phạm của Bùi Minh Đ trong việc chứng thực, không biết được thoả thuận giữa V và Đ, không được ăn chia, hưởng lợi gì cũng như không biết về hành vi phạm tội của V và Đ, do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với ông Nguyễn Ngọc Th, bà Lê Thị D, bà Trịnh Thị Bích Th là có căn cứ.

[7] Về vật chứng vụ án:

- Đối với số tiền 55.000.000 đồng ông Bùi Xuân Nh là anh trai Bùi Minh Đ đã nộp khắc phục hậu quả cho Bùi Minh Đ. Quá trình điều tra xác định số tiền 35.400.000 đồng là tiền do Bùi Minh Đ phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 19.600.000 đồng không liên quan đến vụ án nên trả lại cho ông Bùi Xuân Nh theo quy định tại điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Minh Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Minh Đ phạm tội Nhận hối lộ.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Minh Đ **05** (*Năm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi số ngày tạm giam từ ngày 04/12/2023 đến ngày 02/02/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ tư pháp trong thời hạn 24 (*Hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 35.400.000 đồng (*Ba mươi năm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Trả lại ông Bùi Xuân Nh số tiền 19.600.000 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Hiện trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hoà Bình với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình ngày 27/3/2024.

4. Về án phí: Bị cáo Bùi Minh Đ phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

- VKSND tỉnh HB;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện LS;
- CQCSĐT, CQTHAHS huyện LS;
- THAHS; THADS;
- BC; NBH; NCQLNVLQ;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thu Mai